

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG, ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngàytháng 11 năm 2025 của UBND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)	Thực hiện giải ngân năm 2025		Tỷ lệ giải ngân (%)	
		Số, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/5
	TỔNG SỐ (A) + (B)		167.824	53.185	38.744	50.696	72,8%	95,3%
A	Vốn giao UBND phường làm chủ đầu tư		107.003	42.385	32.570	39.896,72	76,8%	94,130%
1	Xây dựng hoa viên khu Fafim cũ phường Tân Đồng	3207/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	800	700	699,636	699,636	99,9%	99,9%
2	Sửa chữa hội trường UBND phường Tân Đồng	2370/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.660	577	577,000	577,000	100,0%	100,0%
3	Xây dựng đường vào nhà văn hoá khu phố 5, phường Tân Đồng	3224/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.800	13.800	12.900,000	13.800,000	93,5%	100,0%
4	Đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đỏ đến suối Rạt), phường Tân Đồng	2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.500	-	0,000	0,000		
5	Xây dựng nhà văn hóa khu phố 1, phường Tân Đồng	3206/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	3.200	2.872	2.673,294	2.872,000	93,1%	100,0%
6	Sửa chữa hội trường, sân bê tông và trụ sở làm việc UBND phường Tân Thiện	2569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5.000	1.757	1.757,000	1.757,000	100,0%	100,0%
7	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm từ đường QH số 2 đến suối Cạn, phường Tân Thiện	2474/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.440	1.239	1.237,000	1.237,000	99,8%	99,8%
8	Nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Thiện	890/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.166	116	115,389	115,389	99,5%	99,5%
9	Sửa chữa hội trường B - UBND phường Tân Bình	2542/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.620	900	900,000	900,000	100,0%	100,0%
10	Nâng cấp hệ thống thoát nước và mặt đường hẻm 585 (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Võ Văn Tần), phường Tân Bình	2420/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	4.675	82	0,000	82,036	0,0%	100,0%
11	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình.	1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	2.354	1.000	751,548	1.000,000	75,2%	100,0%

Stt	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)	Thực hiện giải ngân năm 2025		Tỷ lệ giải ngân (%)	
		Số, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm
12	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	35/NQ-HĐND ngày 14/10/2024	3.349	3.100	0,000	1.100,000	0,0%	35,5%
13	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, cống và lan can 2 bên mương thoát nước đường Lê Quý Đôn (giai đoạn 2), phường Tân Xuân	2476/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	7.409	42	0,000	41,656	0,0%	100,0%
14	Cải tạo, nâng cấp mở rộng hẻm 588 (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến ngõ 1089) và Ngõ 1089 (đoạn từ ngã ba Suối Đá đến Suối Đá), phường Tân Xuân.	1730/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	25.000	13.400	9.159,282	13.400,000	68,4%	100,0%
15	GPMB + Xây dựng đường Vành Đai (bên hông trường đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú	1744/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	15.500	400	0,000	400,000	0,0%	100,0%
16	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài	1756/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	8.530	2.400	1.800,000	1.914,999	75,0%	79,8%
B	Vốn hỗ trợ có mục tiêu giao phường quyết định đầu tư dự án		60.821	10.800	6.174	10.800	57,2%	100,0%
1	Vận động GPMB đường QH số 39 phường Tân Phú	329/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	2.800	702,330	702,000	702,000	100,0%	100,0%
2	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãn Ông) đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến đường ĐH 507	616/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.850	1.258,000	1.018,994	1.258,000	81,0%	100,0%
3	Vận động GPMB đường vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài 3 đến dự án khu dân cư Tiến Hưng 2)	615/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	140	76,061	76,061	76,061	100,0%	100,0%
4	Nâng cấp, mở rộng hẻm 461	614/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	5.100	3.400,000	2.270,879	3.400,000	66,8%	100,0%
5	Nâng cấp, mở rộng hẻm 445	845/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	8.194	226,230	226,230	226,230	100,0%	100,0%
6	Nâng cấp, mở rộng hẻm 245	682/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	4.252	17,890	17,890	17,890	100,0%	100,0%
7	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãn Ông)	537/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	350	8,151	8,150	8,150	100,0%	100,0%
8	Nâng cấp, mở rộng hẻm 393	892/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	5.698	230,492	230,490	230,490	100,0%	100,0%
9	Nâng cấp, mở rộng hẻm 551	931/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	4.119	272,605	272,610	272,605	100,0%	100,0%

Stt	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)	Thực hiện giải ngân năm 2025		Tỷ lệ giải ngân (%)	
		Số, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm
10	Nâng cấp, mở rộng hẻm 401	947/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	6.893	444,775	444,775	444,775	100,0%	100,0%
11	Vận động GPMB đường quy hoạch Tân Bình 3	145/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	570	130,000	0,000	130,000	0,0%	100,0%
12	Vận động GPMB đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường vành đai 32 đến đường Võ Văn Tần)	146/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	1.540	280,000	0,000	280,000	0,0%	100,0%
13	Vận động GPMB đường QH số 24	247/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	935	200,000	0,000	200,000	0,0%	100,0%
14	Vận động GPMB đường QH số 25	246/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	1.050	300,000	0,000	300,000	0,0%	100,0%
15	Vận động GPMB đường Nguyễn Huệ nối dài	249/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.730	450,000	0,000	450,000	0,0%	100,0%
16	Xây dựng dãy phòng học, phòng học bộ môn trường THCS Tiến Hưng	959/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	12.600	906,269	906,269	906,269	100,0%	100,0%
17	Xây dựng, sửa chữa hàng rào Trường THCS Tân Thiện	2934/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	2.000	1.897,197	0,000	1.897,197	0,0%	100,0%

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngàytháng 11 năm 2025 của UBND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4
I	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP VÀ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH	42.944	Số dự kiến của STC bố trí
1	Nguồn ngân sách tập trung	25.637	
2	Nguồn xổ số kiến thiết	17.307	
II	NGUỒN THU TIỀN CMĐ SDD ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG NĂM 2026	40.000	
1	Ước thực hiện năm 2026 (50 tỷ đồng x 80%)	40.000	
	TỔNG CỘNG (I+II)	82.944	

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN NGÂN SÁCH PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngàytháng 11 năm 2025 của UBND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự kiến TMDT	Lũy kế thanh toán đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
A	Dự án giai đoạn 2021-2025 chờ quyết toán	1.000		500	
B	Dự án đầu tư mới năm 2026	291.000	0	82.444	Chi tiết theo biểu số 04
	TỔNG CỘNG: A+B	292.000	0	82.944	

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ VỐN TRONG NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngàytháng 11 năm 2025 của UBND phường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Dự kiến TMĐT	Dự kiến Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026- 2030	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2026	Dự kiến Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
A	Dự án giai đoạn 2021-2025 chờ quyết toán		1.000	500			
B	Dự án đầu tư mới năm 2026	291.000	291.000	82.444	5.000		
1	Giáo dục, đào tạo	120.000	120.000	38.000	2.400		
1.1	Xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, chức năng và các hạng mục trường TH Tiến Hưng A	20.000	20.000	7.000	500	Phòng Văn hóa - Xã hội	
1.2	Sửa chữa, cải tạo công năng các trụ sở UBND phường Tân Phú cũ thành công trình giáo dục (giáo dục mầm non Hoa Cúc)	10.000	10.000	4.000	200	Phòng Văn hóa - Xã hội	
1.3	Đầu tư trang thiết bị phòng học bộ môn và thiết bị trường học thông minh, trường học số	15.000	15.000	4.000	200	Phòng Văn hóa - Xã hội	
1.4	Xây dựng các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, các phòng chức năng và hạng mục khác của trường MN Hoa Huệ	30.000	30.000	8.000	500	Phòng Văn hóa - Xã hội	
1.5	Xây dựng phòng học, phòng bộ môn và các hạng mục khác của trường THCS Tiến Hưng	25.000	25.000	8.000	500	Phòng Văn hóa - Xã hội	

Stt	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Dự kiến Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026- 2030	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2026	Dự kiến Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2026	Chủ đầu tư	Ghi chú
1.6	Đầu tư hệ thống PCCC các trường MN, TH, THCS trên địa bàn	20.000	20.000	7.000	500	Phòng Văn hóa - Xã hội	Đảm bảo công tác PCCC theo yêu cầu của Công an PCCC về kiểm tra các trường
2	Văn hóa	15.000	15.000	4.500	200		
2.1	Xây dựng đường hoa Hồ Xuân Hương	15.000	15.000	4.500	200	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Chào mừng đại hội Đảng bộ các cấp
3	Môi trường	27.000	27.000	8.500	500		
3.1	Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải phường	27.000	27.000	8.500	500	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Đảm bảo đủ tiêu chuẩn xử lý nước thải
4	Giao thông - Hạ tầng đô thị	129.000	129.000	31.444	1.900		
4.1	Nâng cấp, mở rộng đường liên khu phố Tân Trà 1, Tân Trà 2 và khu phố Thanh Bình	27.000	27.000	8.100	500	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Giải quyết kiến nghị của cử tri
4.2	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước Ngõ 354 (từ ĐT 741 đến suối Rạt)	20.000	20.000	6.000	300	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Giải quyết kiến nghị của cử tri
4.3	Nâng cấp, mở rộng Ngõ 87 - Quốc lộ 14	17.000	17.000	5.100	300	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Giải quyết kiến nghị của cử tri
4.4	GPMB + Xây dựng tuyến đường C2, Tân Xuân (từ Ngõ 1088 Đường Nguyễn Huệ đến đường ĐT 753)	40.000	40.000	4.744	300	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Giải quyết kiến nghị của cử tri
4.5	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước các tuyến đường hẻm hiện hữu thuộc khu vực Tân Bình (cũ)	25.000	25.000	7.500	500	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Giải quyết kiến nghị của cử tri
	TỔNG CỘNG: (A)+(B)	291.000	292.000	82.944	5.000		